

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10-12-2021

V/v ly hôn, con chung giữa  
chị N và anh Tư

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Văn Đề;  
Ông Nguyễn Văn Hóa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1998; Hộ khẩu thường trú: Xóm 4, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: Xóm 2, thôn Phú Xuân, xã Liễn Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc;

**Bị đơn:** Anh Mai Văn T, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Chị N vắng mặt có lý do; anh Tư vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25-11-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Mai Văn T đăng ký kết hôn ngày 10-10-2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam

Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống giữa chị N và anh T thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, hay xảy ra va chạm, cãi nhau, không có tiếng nói chung. Tháng 9/2019, do mâu thuẫn căng thẳng, anh T đã có hành vi đánh chị N. Đến tháng 11/2019, chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 2, thôn Phú Xuân, xã Liễn Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Mai Minh Thiên, sinh ngày 09-10-2018, hiện đang ở cùng chị N. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng tiếp tục nhận nuôi con chung vì cháu Thiên còn nhỏ và từ khi vợ chồng sống ly thân, chị N là người trực tiếp chăm nuôi con, anh T không quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc con chung. Chị N không yêu cầu anh Tư cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay tài sản gì nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án số 176/TB-TLVA ngày 18 tháng 10 năm 2021, bản sao đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N và bản sao các tài liệu, chứng cứ chị N nộp cho Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ được; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T. Anh T đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến nay, anh T vẫn vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị N.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, anh Mai Văn T là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Tư vẫn vắng mặt; nguyên đơn chị N có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Mai Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký

kết hôn ngày 10-10-2017. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng và không có tiếng nói chung nên chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T: Chị N và anh T sau khi kết hôn đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, chị N đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2019 đến nay nhưng hai người không có thiện chí và biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã biết việc chị N xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, không liên lạc với chị N, chứng tỏ bản thân anh T cũng không còn nguyện vọng chung sống với chị N. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Mai Minh Thiên, sinh ngày 09-10-2018, hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của chị N về việc nuôi con thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không quan tâm liên lạc thăm nom chăm sóc con chung. Trong thời gian Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Do đó, xét cần giao cháu Mai Minh Thiên cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp. Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị N. Anh T được quyền thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị N và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Mai Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Minh Thiên, sinh ngày 09-10-2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Mai Văn T

không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N và được quyền thăm con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005975 ngày 18-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Ái**